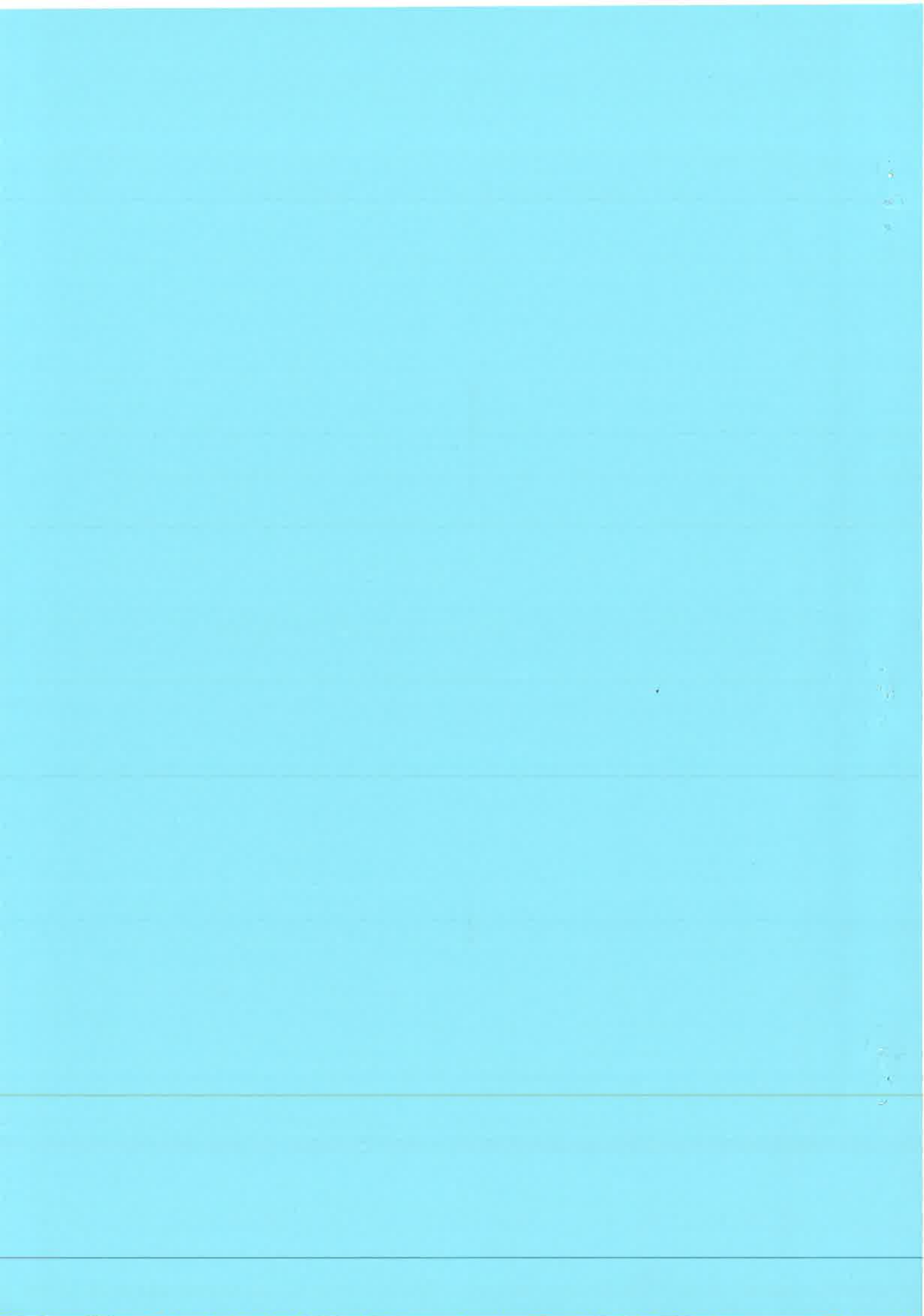


CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU PHƯỚC NHÂN

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN
“CỬA HÀNG XĂNG DẦU PHƯỚC NHÂN 2”

Đồng Tháp, tháng 09 năm 2024



CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU PHƯỚC NHÂN

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN
“CỬA HÀNG XĂNG DẦU PHƯỚC NHÂN 2”

CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU
PHƯỚC NHÂN



Lê Hoàng Phong

Đồng Tháp, tháng 9 năm 2024



Ms. A. 9. 2. 1. 1. 1. 1.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH	4
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU	5
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	7
1. Tên chủ dự án đầu tư	7
2. Tên dự án đầu tư	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư	10
3.1. Công suất của cơ sở	10
3.2. Công nghệ hoạt động của cơ sở	10
3.3. Sản phẩm của cơ sở	12
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cửa hàng	12
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của Cửa hàng	12
4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện, nước của Cửa hàng	13
4.2.1. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện	13
4.2.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước	13
4.2.3. Nhu cầu sử dụng lao động	14
5. Các thông tin khác liên quan đến Cửa hàng	14
5.1. Các đối tượng tự nhiên có khả năng bị tác động bởi Cửa hàng	14
5.2. Các đối tượng kinh tế - xã hội có khả năng bị tác động bởi dự án	15
5.3. Hiện trạng quản lý và sử dụng đất của Cửa hàng	15
5.4. Hiện trạng các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	15
5.4.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa	15
5.4.2. Công trình thu gom, xử lý và thoát nước thải	15
5.4.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại	16
5.4.4. Công trình chống sét, hệ thống tiếp địa	16
5.5. Tổ chức quản lý sản xuất, thực hiện dự án	16
5.5.1. Biên chế lao động	16
5.5.2. Chế độ làm việc	16

5.6. Tổng mức đầu tư	16
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	17
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường	17
2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải	17
2.1. Đối với khả năng tiếp nhận nước thải	17
2.2. Đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí	18
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	19
1. Công trình biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý chất thải	19
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	19
1.2. Thu gom, thoát nước thải	19
1.2.1. Nước thải sinh hoạt	19
1.3. Xử lý nước thải	21
1.3.1. Xử lý nước thải sản xuất	21
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	22
2.1. Đánh giá tác động của các nguồn phát thải bụi, khí thải	22
2.2. Tác động của các nguồn phát sinh bụi khí thải	23
2.3. Biện pháp giảm thiểu	24
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	24
3.1. Chất thải sinh hoạt	24
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	25
4. Chất thải nguy hại	25
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	26
5.1. Đánh giá tác động của tiếng ồn, độ rung	26
5.2. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	26
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	27
6.1. Phòng cháy chữa cháy, chống sét đánh thẳng	27
6.2. An toàn lao động và vệ sinh lao động	28
6.3. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường	29

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	30
Chương IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	31
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	31
1.1. Nguồn phát sinh nước thải	31
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa	31
1.3. Dòng nước thải	31
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.....	31
1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải	32
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	32
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	32
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	33
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	33
2. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo	33
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	34
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	34
2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	34
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	36
PHỤ LỤC BÁO CÁO	38

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

<i>Hình 1. Sơ đồ giới hạn vị trí các mốc điểm của dự án.....</i>	<i>8</i>
<i>Hình 2. Sơ đồ quy trình kinh doanh xăng dầu của Cửa hàng và các yếu tố môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động</i>	<i>11</i>
<i>Hình 3. Sơ đồ kinh doanh nhớt của Cửa hàng và các yếu tố môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động.....</i>	<i>11</i>
<i>Hình 4. Sơ đồ quy trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.....</i>	<i>19</i>
<i>Hình 5. Cấu tạo của bể tự hoại</i>	<i>20</i>
<i>Hình 6. Sơ đồ xử lý nước thải nhiễm dầu</i>	<i>22</i>
<i>Hình 7. Quy trình thu gom, lưu chứa CTNH của Cửa hàng.....</i>	<i>25</i>

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Thống kê tọa độ các góc của dự án.....	8
Bảng 2. Thống kê các hạng mục công trình và phân khu chức năng của dự án	10
Bảng 3. Công suất hoạt động của cửa hàng.....	10
Bảng 4. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của dự án	12
Bảng 5. Thống kê nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu của dự án giai đoạn vận hành	13
Bảng 6. Thống kê nhu cầu sử dụng nước của Cửa hàng	14
Bảng 7. Mức ồn của các nguồn trong quá trình hoạt động của Cửa hàng.....	26
Bảng 8. Danh mục thiết bị PCCC của Cửa hàng.....	28
Bảng 9. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm của nước thải.....	31
Bảng 10. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm của nước thải nhiễm dầu.....	32

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	: Biological Oxygen Demand – Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	: Bê tông cốt thép
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
COD	: Chemical Oxygen Demand - Nhu cầu oxy hóa học
CP	: Cổ phần
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
HTXLKT	: Hệ thống xử lý khí thải
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QCXDVN	: Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
TSS	: Total Suspended Solids - Tổng chất rắn lơ lửng
SS	: Suspended Solid – Chất rắn lơ lửng
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	: Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
MTV	: Một thành viên
UBND	: Ủy ban nhân dân
WHO	: World Health Organization - Tổ chức y tế thế giới
XLNT	: Xử lý nước thải
NĐ-CP	: Nghị định - chính Phủ
QĐ	: Quyết định
KT-XH	: Kinh tế - xã hội
KPH	: Không phát hiện

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư

CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU PHƯỚC NHÂN

- Địa chỉ công ty: Số 1990, đường Nguyễn Thái Học, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: (Ông) Lê Hoàng Phong
- Điện thoại: 0838.111.789
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1402077519 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp đăng ký lần đầu ngày 22/03/2019. Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 09/08/2024.
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số Giấy chứng nhận Cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 259/GCNĐDK-SCT ngày 12/12/2023 do Sở Công thương tỉnh Đồng Tháp cấp;

2. Tên dự án đầu tư

CỬA HÀNG XĂNG DẦU PHƯỚC NHÂN SỐ 2

2.1. Địa điểm cơ sở

- Cửa hàng xăng dầu Phước Nhân số 2 (gọi tắt là *Cửa hàng*) là cơ sở chuyên kinh doanh bán lẻ mặt hàng xăng dầu. Cửa hàng là kênh trung gian phân phối nhiều liệu đến tay người tiêu dùng. Hoạt động chủ yếu của Cửa hàng là bán lẻ xăng dầu phục vụ nhu cầu đi lại và sản xuất nông nghiệp của người dân địa phương và khách hàng qua lại trên tuyến đường ĐT850. - Địa chỉ cơ sở: Cơ sở “Cửa hàng xăng dầu Phước Nhân số 2” được đầu tư xây dựng tại ấp 6, xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Vị trí tiếp giáp của dự án như sau:
 - + Phía Đông tiếp giáp tỉnh lộ ĐT850;
 - + Phía Nam tiếp giáp ao ruộng;
 - + Phía Tây tiếp giáp mương kênh Ranh;
 - + Phía Bắc tiếp giáp ao ruộng.

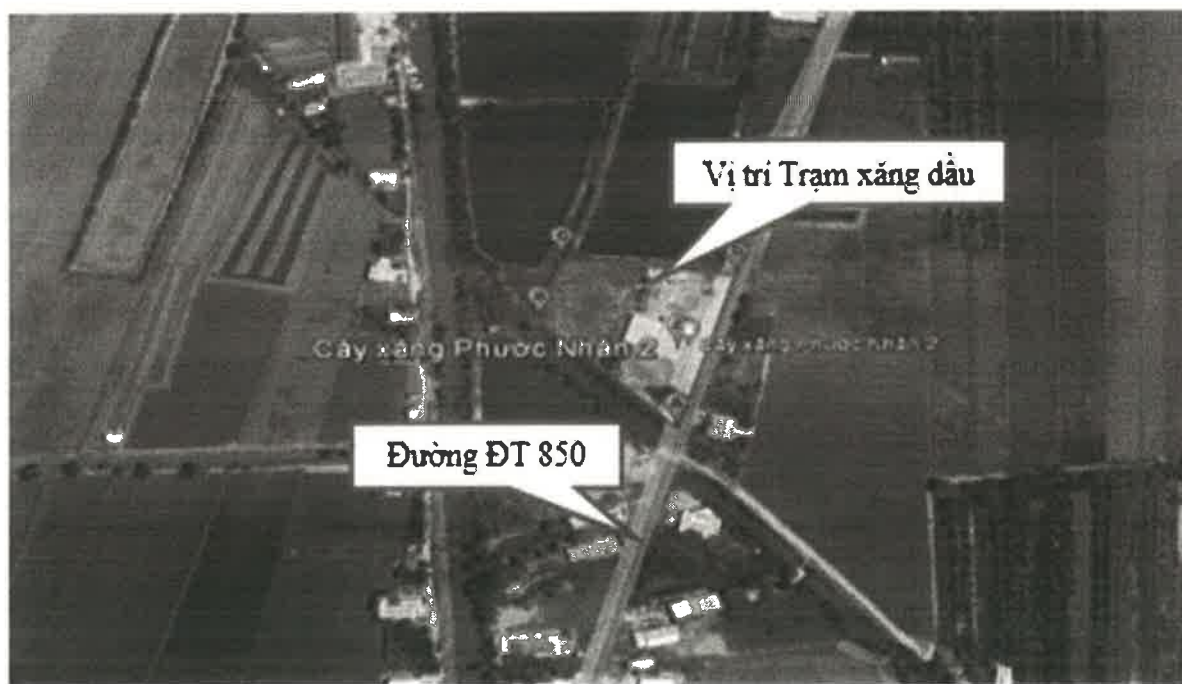
Tọa độ các góc khu vực dự án như sau:

Bảng 1. Thống kê tọa độ các góc của dự án

STT	Tên điểm	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°	
		X	Y
1	A	1154962	586783
2	B	1155050	586718
3	C	1155097	586734
4	D	1155073	586828
5	E	1154962	586783

(Nguồn: Tọa độ xác định bằng máy GPS cầm tay, 2024)

Vị trí của dự án cụ thể như sau:



Hình 1. Sơ đồ giới hạn vị trí các mốc điểm của dự án

2.2. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần

- Các văn bản pháp lý liên quan đến Cửa hàng:

+ Giấy chứng nhận Cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 259/GCNĐDK-SCT ngày 12/12/2023 do Sở Công thương tỉnh Đồng Tháp cấp;

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 173/TD-PCCC ngày 01/08/2018 do Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Đồng Tháp cấp;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT06744 ngày 21/05/2018 do Sở Tài

nguyên và Môi trường cấp, thửa đất số 370, tờ bản đồ số 11;

+ Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch Bảo vệ môi trường số 27/GXN-UBND ngày 23/08/2018 của UBND huyện Cao Lãnh;

2.3. Quy mô của cơ sở

2.3.1. Quy mô phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công

- Cửa hàng có tổng vốn đầu tư là 3.000.000.000 VNĐ (*Ba tỷ đồng*). Căn cứ Khoản 3 Điều 10 của Luật Đầu tư công 2019, dự án thuộc nhóm C (*dự án thuộc lĩnh vực kinh doanh bán lẻ xăng dầu có tổng mức đầu tư dưới 120 tỷ đồng*) phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Cửa hàng thuộc đối tượng lập Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường theo số thứ tự 2 (Dự án nhóm C được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải được xử lý hoặc có phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải), Mục II, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh theo Điểm khoản 4, Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Cửa hàng đã đi vào hoạt động thuộc đối tượng có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III. Do đó, dự án thuộc đối tượng lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo phụ lục XII, Phụ lục kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.3.2. Quy mô xây dựng

- Cửa hàng được xây dựng trên thửa đất số 370, tờ bản đồ số 11 với tổng diện tích là 4.984m², trong đó bao gồm các công trình được xây dựng và khu vực sân bãi, cụ thể như sau:

- Nhà quản lý, nhà điều hành có diện tích 100m², kết cấu vách tường, mái lợp tôn, nền lát gạch men.

- Nhà trụ bơm có diện tích 417m², được bố trí 06 trụ bơm xăng, dầu có kết cấu khung cột bê tông cốt thép, mái bằng tôn.

- Nhà vệ sinh, khu sinh hoạt có diện tích 63m², trong đó nhà vệ sinh chiếm khoảng 22,5m², kết cấu vách tường, mái lợp tôn, có cửa che chắn kín đáo.

- Khu vực bồn chứa nhiên liệu có diện tích là 92m² được xây dựng âm dưới đất đủ sức chứa 04 bồn sắt chứa nhiên liệu có tổng thể tích là 120m³ (mỗi bồn chứa 30m³).

- Xung quanh cửa hàng được xây dựng tường rào bao quanh, nhằm ngăn cách với khu vực bên ngoài, tường cao 2,2m.

- Còn lại khoảng 4.312m² là diện tích sân bãi đỗ xe cho khách hàng, khu đất trống và đường đi nội bộ.

Bảng 2. Thống kê các hạng mục công trình và phân khu chức năng của dự án

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tình trạng
1	Nhà quản lý	01	100	2	Hiện hữu
2	Nhà trụ bơm	01	417	8,4	Hiện hữu
3	Nhà vệ sinh, khu sinh hoạt	01	63	1,3	Hiện hữu
4	Khu vực chứa nhiên liệu	01	92	1,8	Hiện hữu
5	Khu vực sân bãi	01	4.312	86,5	Hiện hữu
Tổng diện tích			4.984	100	

(Nguồn: Cửa hàng xăng dầu Phước Nhân số 2)

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

3.1. Công suất của cơ sở

Cửa hàng kinh doanh các loại xăng dầu như xăng A95, xăng A92, dầu DO... Công suất hoạt động của Cửa hàng được thể hiện ở bảng dưới:

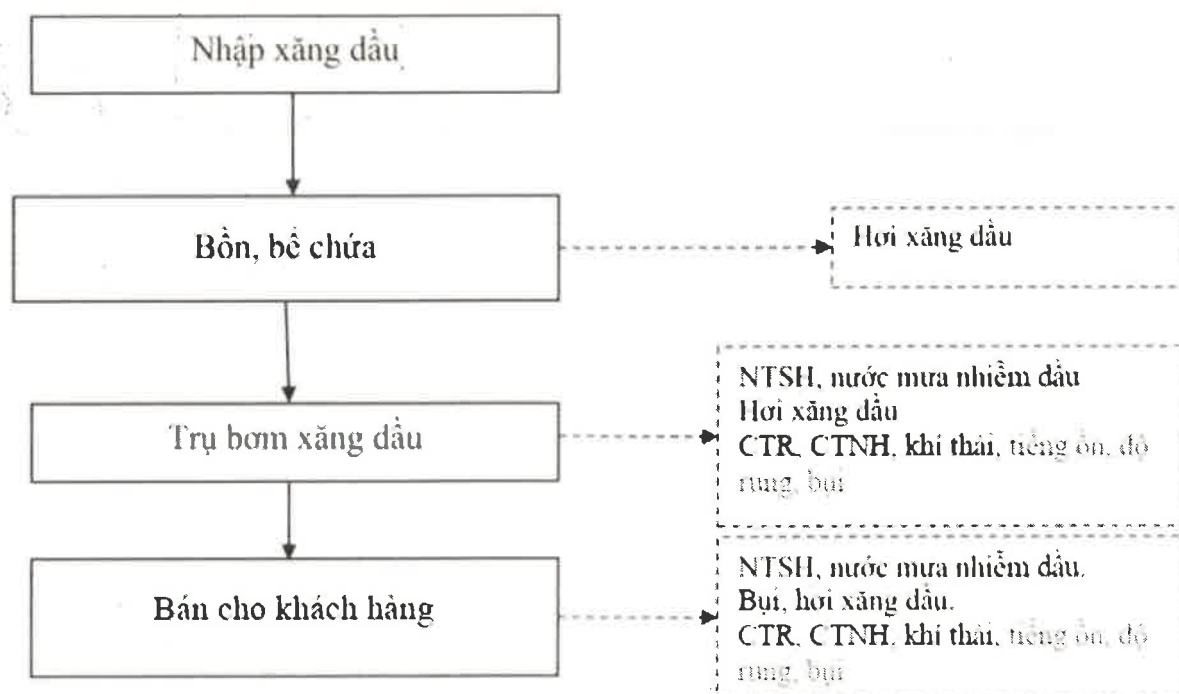
Bảng 3. Công suất hoạt động của cửa hàng

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất
1	Xăng A95	m ³ /tháng	18
2	Xăng A92	m ³ /tháng	42
3	Dầu DO	m ³ /tháng	15
4	Nhớt	m ³ /tháng	0,3

(Nguồn: Cửa hàng xăng dầu Phước Nhân số 2)

3.2. Công nghệ hoạt động của cơ sở

+ Quy trình kinh doanh xăng dầu của Cửa hàng được trình bày, như sau:



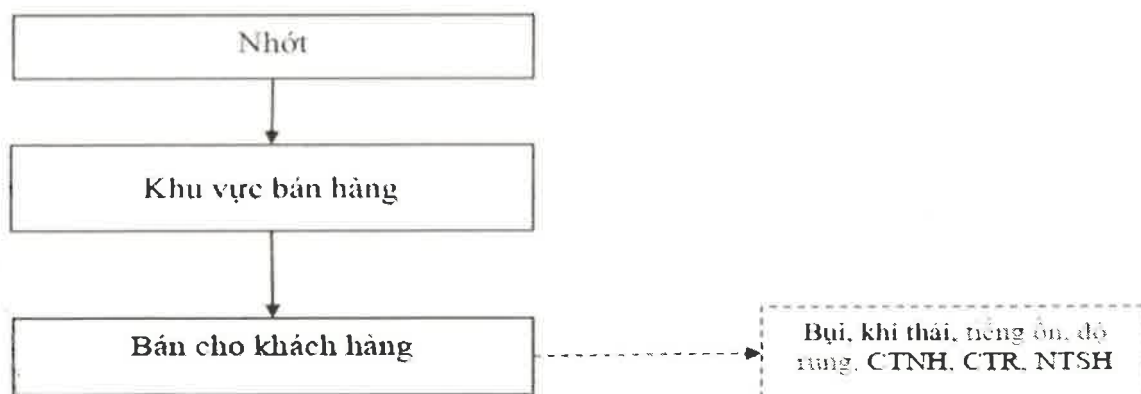
Hình 2. Sơ đồ quy trình kinh doanh xăng dầu của Cửa hàng và các yếu tố môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động

- Thuyết minh quy trình kinh doanh xăng dầu của cửa hàng, như sau:

Chủ cửa hàng ký hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu với Công ty TNHH MTV xăng dầu Thuận Lợi Tiến để được cung cấp xăng, dầu cho cửa hàng hoạt động bán lẻ xăng dầu trên địa bàn xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Xăng dầu sau khi được Cửa hàng nhập về sẽ được lưu chứa trong các bồn, bể chứa xăng dầu tại cửa hàng. Sau đó, xăng dầu sẽ được bơm vào 06 trụ bơm xăng dầu để bán cho khách hàng có nhu cầu trên thị trường.

+ Sơ đồ quy trình kinh doanh nhớt của Cửa hàng như sau:



Hình 3. Sơ đồ kinh doanh nhớt của Cửa hàng và các yếu tố môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động

- Thuyết minh quy trình kinh doanh xăng dầu của cửa hàng, như sau:

Nhớt được nhập từ các đơn vị cung cấp theo dạng đóng gói sẵn (nhớt đựng trong các bình nhựa) và được lưu chứa tại khu vực bán hàng và bán cho khách hàng có nhu cầu sử dụng.

Bảng 4. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của dự án

STT	Dụng cụ	Đơn vị	Số lượng	Tình trạng
1	Bồn chứa nhiên liệu	Cái	4	Tốt
2	Trụ bơm điện tử	Trụ	6	Tốt
3	Thiết bị PCCC	Bình	12	Tốt
4	Máy phát điện	Cái	1	Tốt
5	Nhà vệ sinh	Cái	1	Tốt
6	Hầm tự hoại	Cái	2	Tốt
7	Hố gạn dầu	Cái	1	Tốt

(Nguồn: Cửa hàng xăng dầu Phước Nhân số 2)

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Cửa hàng kinh doanh bán lẻ các sản phẩm là xăng dầu. Sản phẩm của cửa hàng là các loại xăng, dầu như xăng A95, xăng A92, dầu DO, nhớt... với khối lượng như sau:

- Xăng A95: 18m³/tháng.
- Xăng A92: 42m³/tháng.
- Dầu DO: 15m³/tháng.
- Nhớt: 0,3m³/tháng.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cửa hàng

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của Cửa hàng

Nhu cầu nguyên, nhiên liệu tại cửa hàng như sau:

Bảng 5. Thông kê nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu của dự án giai đoạn vận hành

STT	Nguyên liệu, nhiên liệu	Số lượng tiêu thụ/tháng	Nguồn gốc
1	Xăng A95	18 m ³ /tháng	18
2	Xăng A92	42 m ³ /tháng	42
3	Dầu DO	15 m ³ /tháng	15
4	Nhớt	0,3 m ³ /tháng	0,3

(Nguồn: Cửa hàng xăng dầu Phước Nhân số 2)

4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện, nước của Cửa hàng

4.2.1. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện

Nguồn cung cấp điện phục vụ cho quá trình hoạt động của dự án được lấy từ lưới điện Quốc gia tại nhánh rẽ trung thế 3 pha, 380V – 560 KVA, thuộc quản lý của Điện lực huyện Cao Lãnh sau đó được hạ thế (qua trạm hạ thế) và đưa vào sử dụng cho hoạt động của dự án chủ yếu là sử dụng cho việc thắp sáng và sử dụng bơm xăng dầu, ước tính khoảng 1.100 kwh/năm, tương ứng với xấp xỉ 92 kwh/tháng.

4.2.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước

Do đặc điểm là ngành nghề kinh doanh xăng, dầu nên Cửa hàng có sử dụng nước trong quá trình hoạt động để phục vụ nhu cầu trong sinh hoạt, dội rửa, làm mát sân bãi và phòng cháy chữa cháy.

- Nhu cầu nước sinh hoạt: khoảng 02m³/ngày nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt của 06 nhân viên và khách hàng khi có nhu cầu. Nước sinh hoạt được lấy từ nguồn nước thủy cục của địa phương, được đầu nối từ đường ống cấp nước đường DT850. Nước thải sau khi sử dụng được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại có kích thước là 7,2m³ trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của huyện.

- Nhu cầu nước phục vụ tưới cây và phòng cháy chữa cháy được sử dụng không thường xuyên, tùy vào điều kiện thời tiết và sự cố xảy ra, ước tính trung bình khoảng 1,5m³/ngày. Nước thải được lấy từ nguồn nước mặt, nước thải sau khi xử lý bằng hố ga dầu được dẫn vào hố tự hoại 5,8m³ và tự thấm vào cát.

- Nước cấp từ mạng lưới cấp nước của địa phương được đầu nối vào dự án bằng ống uPVC ø34mm, sau đó theo các ống nhánh cấp cho các điểm dùng nước.

Bảng 6. Thống kê nhu cầu sử dụng nước của Cửa hàng

STT	Mục đích sử dụng	Định mức	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày)	Nước thải phát sinh (m ³ /ngày)
1	Sinh hoạt nhân viên	2m ³ /ngày	0,32	0,32
2	Sinh hoạt của khách vãng lai		0,3	0,3
3	Phun ẩm sân bãi	1,5m ³ /ngày	0,05	0
Tổng			0,67	0,62

(Nguồn: Cửa hàng xăng dầu Phước Nhân số 2)

4.2.3. Nhu cầu sử dụng lao động

Tổng số lao động của cửa hàng là 06 nhân viên, theo đó cửa hàng làm việc trong 02 ca với mỗi ca là 03 nhân viên làm việc.

5. Các thông tin khác liên quan đến Cửa hàng

5.1. Các đối tượng tự nhiên có khả năng bị tác động bởi Cửa hàng

- Hệ thống giao thông:

+ Hệ thống giao thông đường bộ: Dự án có đường nội bộ thông ra đường ĐT850. Đường nội bộ này rộng khoảng 10,0m. từ đường ĐT850 có thể đi đến các địa phương lân cận trong huyện Cao Lãnh hay qua thành phố Sa Đéc, thành phố Cao Lãnh cũng như các địa phương khác trong tỉnh một cách thuận tiện, dễ dàng.

+ Hệ thống giao thông đường thủy: Dự án tiếp giáp kênh Ranh, đây là một tuyến đường thủy nhỏ phục vụ vận chuyển với ghe tàu tải trọng nhỏ để di chuyển trong huyện Cao Lãnh.

Nhìn chung, vị trí dự án tương đối thuận tiện về giao thông đường bộ lẫn giao thông đường thủy. Đường bộ kết nối với đường ĐT850 sẽ thuận tiện trong hoạt động vận chuyển xăng dầu phục vụ hoạt động của các phương tiện giao thông, thiết bị sản xuất trong khu vực và lân cận. Trong khi đường thủy sẽ thuận tiện trong việc bán xăng dầu cho các ghe tàu vận chuyển khi có nhu cầu.

Nước thải của dự án phát sinh khá thấp, được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của huyện Cao Lãnh nên không xả nước thải ra môi trường bên ngoài và không gây ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận xung quanh.

5.2. Các đối tượng kinh tế - xã hội có khả năng bị tác động bởi dự án

- Khu vực xây dựng Cửa hàng còn thừa thớt dân sinh sống, xung quanh cửa hàng không có các công trình xây dựng công cộng, di tích lịch sử cũng như trường học, bệnh viện, khoảng cách đến hộ dân gần nhất là khoảng 300m và cách nguồn nước mặt gần nhất là khoảng 80m (kênh Ranh).

Đối tượng xung quanh dự án:

- Cửa hàng cách Khu du lịch Tân Hội Trung khoảng 300m về hướng Nam;
- Cửa hàng cách Cơ sở điều trị nghiện Đồng Tháp cách 1,4km về hướng Nam;
- Cửa hàng cách Trường tiểu học Tân Trung 1 khoảng 800m hướng Tây Bắc;
- Cửa hàng cách Văn phòng Tân Hội Trung khoảng 1,2km hướng Đông Nam;
- Cửa hàng cách Trại giam Láng Biển khoảng 2,4km hướng Đông Bắc

5.3. Hiện trạng quản lý và sử dụng đất của Cửa hàng

Toàn bộ diện tích khu đất của Cửa hàng có diện tích là 4.984m² tại thửa đất số 370, tờ bản đồ số 11. Diện tích đất này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp chứng nhận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp GCN số CT06744 ngày 21/05/2018.

Hiện toàn bộ mặt bằng của Cửa hàng được sử dụng để kinh doanh xăng, dầu.

5.4. Hiện trạng các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

5.4.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa

- Nước mưa từ mái nhà khu nhà làm việc, nhà vệ sinh, nhà trụ bơm... sẽ chảy tràn theo độ dốc mái, sau đó theo ống đứng PVC ($\phi 75mm$) dẫn xuống rãnh thu nước mưa, lắng lọc nước mưa chảy tràn (có bề mặt bằng BTCT có nắp đậy có kích thước BxH: 800 x 400mm) trước khi thoát ra môi trường.

- Nước mưa nhiễm dầu sẽ được dẫn về 01 hố gạn dầu có thể tích là 0,97m³ (0,9m x 0,9m x 1,2m) trước khi đưa vào hố tự hoại có kích thước là 5,8m³. Sau đó, nước sẽ được cho thấm vào đất

5.4.2. Công trình thu gom, xử lý và thoát nước thải

- Cửa hàng có 1 bể tự hoại 3 ngăn có thể tích là 7,2m³ (3m x 2m x 1,2m). Bể được xây bằng bê tông cốt thép và được bố trí tại khu vực vệ sinh của cửa hàng. Nước thải được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó theo đường ống vào hệ thống thoát nước của huyện.

- Đối với nước thải từ các hoạt động tưới sân, phòng cháy chữa cháy có khả năng bị thấm tạp chất xăng dầu rò rỉ sẽ được dẫn đến hố gạn dầu và sau đó đi đến hố tự hoại của Cửa hàng trước khi được cho thấm vào cát.

5.4.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: sử dụng 03 thùng chứa bằng nhựa dung tích 60 lít có nắp đậy nằm phía Đông của cửa hàng. Cuối mỗi ngày, chất thải sinh hoạt sẽ được tập kết tại đó để đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải chất thải sinh hoạt đến nơi xử lý theo quy định.

- Khu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: sử dụng 02 thùng thể tích 30 lít nằm phía Đông của Cửa hàng. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường đến đơn vị thu mua phế liệu.

- Khu chứa chất thải nguy hại: sử dụng 02 thùng thể tích 25 lít có nắp đậy bố trí ở phía Đông. Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại được đặt ở vị trí thông thoáng, có mái che, không bị ảnh hưởng bởi thời tiết và có biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định.

5.4.4. Công trình chống sét, hệ thống tiếp địa

- Khu vực Cửa hàng đã lắp đặt 01 hệ thống chống sét. Theo tài liệu thiết kế, kim thu sét có bán kính bảo vệ $R_p=26m$, chiều cao kim là 3m. Tổng điện trở $<10\Omega$.

- Đồng thời, Cửa hàng cũng bố trí cọc tiếp địa $\varnothing 25-3m$ dẫn nối đất chống tĩnh điện khu vực bồn chứa, trụ bơm,...

5.5. Tổ chức quản lý sản xuất, thực hiện dự án

5.5.1. Biên chế lao động

- Tổng số lao động là 08 người nhằm thực hiện các công việc kinh doanh xăng dầu của Cửa hàng.

5.5.2. Chế độ làm việc

- Số ca làm việc trong ngày: 2 ca/ngày.
- Số giờ làm việc trong ca: 06 giờ/ca.
- Số ngày làm việc trong năm: 365 ngày.

5.6. Tổng mức đầu tư

Cửa hàng có tổng mức đầu tư là 3 tỷ đồng, chi phí này được lấy từ nguồn kinh phí của Công ty TNHH Xăng dầu Phước Nhân.

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường

- Tính đến thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, báo cáo chưa có căn cứ để đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch trên.

- Đối với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ: về cơ bản dự án hoàn toàn phù hợp với các quan điểm, mục tiêu và tầm nhìn về kiểm soát và phòng ngừa ô nhiễm môi trường như: ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường và các sự cố môi trường được chủ động phòng ngừa, kiểm soát thông qua việc dự án thực hiện đầu tư các công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định; giám sát, kiểm soát chất lượng nước thải, khí thải và quản lý chất thải rắn – chất thải nguy hại, v.v.

- Đối với Chiến lược Quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2149/QĐ-TTG ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ: Dự án hoàn toàn phù hợp với quan điểm, mục tiêu và tầm nhìn về đẩy mạnh thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn.

- Dự án phù hợp với Nghị quyết số 207/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Theo đó, dự án phù hợp với nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế của tỉnh.

Dự án đã được phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có mã số doanh nghiệp: 1402077519 lần đầu ngày 22/03/2019. Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 09/08/2024.

2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải

2.1. Đối với khả năng tiếp nhận nước thải

Dự án có phát sinh nước thải với lưu lượng rất thấp, chủ yếu là nước thải sinh hoạt của 8 nhân viên và 52 khách vãng lai. Toàn bộ nước thải được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, theo đó chất lượng nước thải đạt theo QCVN 14:2018/BTNMT cột A trước khi được thoát ra hệ thống thoát nước của huyện Cao Lãnh.

Đối với nước mưa nhiễm dầu: toàn bộ nước mưa nhiễm dầu này sẽ được thu gom về bể gạn dầu xử lý và xử lý tại hố gạn dầu và hố tự hoại có kích thước trước khi cho thấm vào đất, chất lượng nước sẽ đạt QCVN 29:2010/BTNMT.

2.2. Đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

Nguồn tiếp nhận khí thải: Chất lượng không khí xung quanh được áp dụng theo QCVN 05:2023/BTNMT. Khí thải máy phát điện dự phòng phát sinh tại dự án áp dụng theo QCVN 19:2009/BTNMT.

Đối với các loại chất thải: các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động được thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa riêng biệt và giao cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Công trình biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý chất thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

Cửa hàng đã xây dựng hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom và lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi ra môi trường.

Việc thu gom nước mưa được thực hiện như sau: nước mưa từ mái che và nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực cửa hàng sẽ được thu gom tại rãnh thu nước mưa đưa về hố ga thu gom và dẫn thoát bằng đường ống nhựa PVC $\Phi 90\text{mm}$, dài 12m thoát ra đường ống thoát nước của huyện

Trong quá trình hoạt động kinh doanh xăng dầu có thể làm rơi vãi xăng dầu sẽ làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mưa khi chảy tràn qua. Vì vậy, chủ đầu tư có biện pháp quản lý như sau:

Thường xuyên nhắc nhở nhân viên tại cửa hàng cẩn thận trong quá trình bơm xăng, dầu tránh làm rơi vãi, đổ xăng, dầu ra mặt sàn. Trong trường hợp có xăng dầu rơi vãi sẽ tiến hành vệ sinh, lau dọn ngay khu vực đó bằng giấy thấm dầu và sẽ được thu gom, lưu chứa tại khu vực lưu trữ chất thải nguy hại của Cửa hàng.

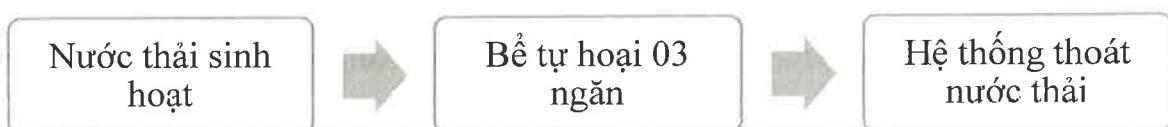
Ngoài ra, khu vực vị trí các trụ bơm xăng và xe đổ bơm xăng sẽ được bố trí có mái che, hạn chế tối đa việc nước mưa có thể tạt vào khu vực này. Bên cạnh đó, khu vực bồn chứa xăng, dầu cũng được xây dựng kín đáo nhằm hạn chế tối đa nước mưa chảy tràn qua khu vực có khả năng bị rò rỉ nhiên liệu.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt của Cửa hàng (khoảng $2\text{m}^3/\text{ngày}$) được xử lý như sau: Toàn bộ lượng nước thải phát sinh được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của huyện.

*** Quy trình vận hành hệ thống thoát nước thải sinh hoạt của Cửa hàng cụ thể như sau:**



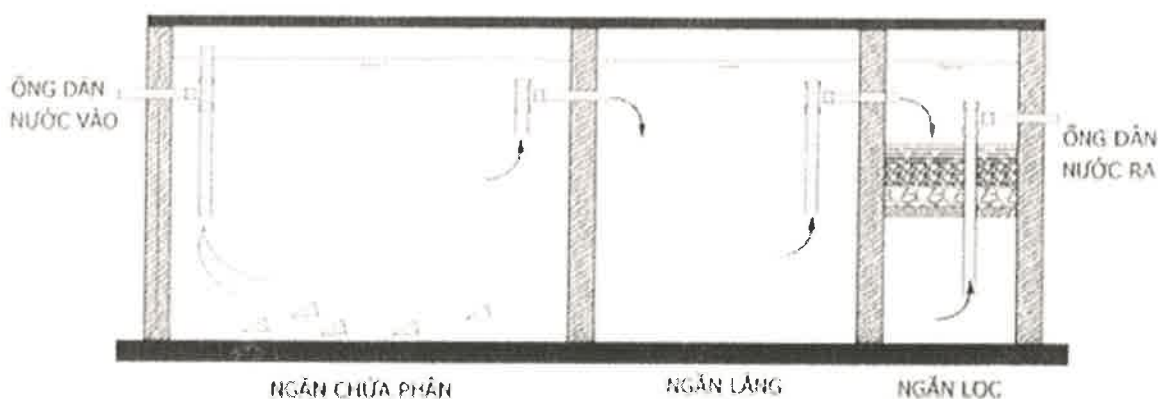
Hình 4. Sơ đồ quy trình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt

Nguyên lý của bể tự hoại được trình bày như sau:

Bể tự hoại tiếp nhận nước thải sinh hoạt, có dạng hình chũm nhật, có ba ngăn. Bể tự hoại

là công trình đồng thời làm cả 02 chức năng là lắng và phân hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ lại trong bể, dưới tác động của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị thủy phân và phân hủy một phần tạo thành khí sinh học có thành phần chủ yếu là khí metan và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Phần nước thải thoát ra ngoài bằng đường ống dẫn, còn lượng bùn lưu sẽ được chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý. Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt. Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại là cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý cao.

Hiệu quả xử lý của bể tự hoại 3 ngăn đối với chất lơ lửng đạt từ 60 đến 85% BOD, 60 – 65% SS, các thông số như dầu mỡ, nito, photpho, amonia được xử lý đạt hiệu quả trên 75%. Bên cạnh đó, bể tự hoại 3 ngăn còn có chi phí lắp đặt và vận hành thấp so với các loại hệ thống xử lý nước thải khác mà vẫn đáp ứng được nhu cầu sử dụng.



Hình 5. Cấu tạo của bể tự hoại

Kết cấu của bể tự hoại gồm ba ngăn là ngăn chứa, ngăn lắng và ngăn lọc.

Ngăn chứa: Đây là ngăn có kích thước lớn nhất trong 3 ngăn của bể tự hoại. Tại đây, nước thải sinh hoạt sẽ được tiếp nhận và thực hiện các quá trình lên men và phân hủy chất thải. Kết quả của quá trình này là các chất thải sẽ biến mất và chuyển thành bùn cặn lắng dưới đáy. Đối với các chất thải khó phân hủy hơn sẽ được chuyển tiếp sang ngăn xử lý tiếp theo.

Ngăn lắng: Đây là ngăn chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích còn lại của bể tự hoại, ngăn lắng sẽ tiếp nhận nước thải từ ngăn chứa đi qua bằng các lỗ trên vách thông. Nhiệm vụ chính của ngăn lắng là xử lý các chất thải khó phân hủy thông qua quá trình lắng cặn. Quá trình này giúp biến đổi các chất thải thành các chất khí khi gặp môi trường thuận lợi và cho phép chúng thoát ra bên ngoài. Sau khi thực hiện xong quá trình lắng cặn, ngăn lắng sẽ chuyển nước thải qua ngăn tiếp theo để xử lý.

Ngăn lọc: Đây là ngăn có diện tích tương tự với ngăn lắng và được sử dụng để chứa chất thải nhẹ và lơ lửng trong nước thải từ ngăn lắng đưa qua. Các chất thải này sau một thời gian sẽ chìm xuống đáy bể. Trong khi đó, nước sạch sẽ được thoát ra ngoài thông qua các đường ống dẫn nước ra.

Các thông số của bể tự hoại được tính toán như sau:

Trong quá trình vận hành, số lượng nhân viên của Cửa hàng là 08 người và khách hàng đến bơm xăng là khoảng 52 người. Ta có thể tính toán kích thước bể tự hoại cần thiết để xử lý nước thải sinh hoạt như sau:

Thể tích bể tự hoại: Xác định thể tích bể lắng nước và phân chứa bùn.

Thể tích nước của bể: $W_n = K \times Q_{ngđ} \times t$

Trong đó: K là hệ số điều hòa, chọn K = 1,2; Q là lượng nước thải trung bình ngày và đêm, $Q = 2m^3/ngày$; t là thời gian lưu nước, t = 1 ngày.

$$\Rightarrow W_n = 1,2 \times 2 \times 1 = 2,4 m^3.$$

Thể tích cặn trong bể chứa là $W_c = [a \times N \times t \times (100 - P1) \times b \times c] : [(100 - P2) \times 1.000]$

Trong đó: a là tiêu chuẩn cặn lắng cho một người, a = 0,4 – 0,5 lít/ngày.đêm, chọn a = 0,5 lít/ngày.đêm; N là số người của Cửa hàng, N = 60; t là thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại, t = 180 – 360, chọn t = 360 ngày; b là hệ số tính đến 30% cặn đã phân hủy khi lên men, lấy b = 0,7; c là hệ số tính đến 20% cặn còn lại trong bể tự hoại, lấy c = 1,2; P1 là độ ẩm của cặn tươi, P1 = 95%; P2 là độ ẩm của cặn trong bể tự hoại khi lên men, P2 = 90%.

$$\Rightarrow W_c = [0,5 \times 60 \times 360 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2] : [(100 - 90) \times 1.000] = 4,536 m^3$$

$$\Rightarrow \text{Nhu yếu lượng nước bể tự hoại cần là } W = W_c + W_n = 2,4 + 4,536 = 6,936 m^3$$

$\Rightarrow$ Như vậy Cửa hàng xây dựng bể tự hoại có tổng thể tích là 7,2 m³ (3m x 2m x 1,2m) là đủ để xử lý nước thải cho số lượng nhân viên và khách hàng đến bơm xăng tại Cửa hàng. Lưu lượng nước này sau khi được xử lý trong bể tự hoại sẽ được đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của huyện.

1.3. Xử lý nước thải

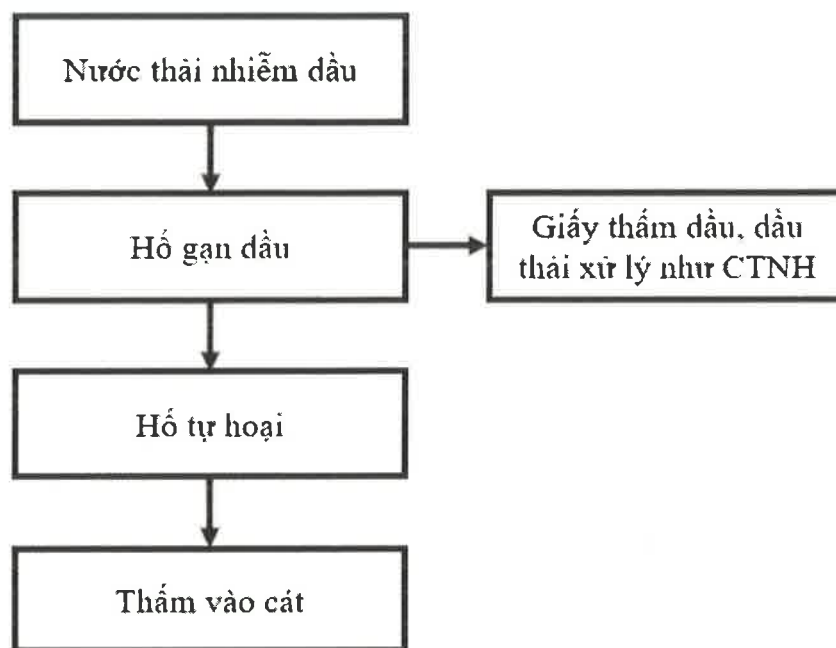
1.3.1. Xử lý nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất (khoảng 0,5m³/ngày) chủ yếu là hoạt động tưới sân và phòng cháy chữa cháy, có khả năng thấm tạp chất xăng dầu rò rỉ.

Nước thải phát sinh từ hoạt động của cửa hàng trong quá trình bơm rót xăng dầu cho khách, hoặc trong quá trình nhập xăng dầu vào bể chứa nếu nhân viên không cẩn thận hoặc không thực hiện đúng quy trình bơm rót, quy trình nhập có thể dẫn đến tràn vãi xăng, dầu. Tuy nhiên, số lượng tràn vãi không nhiều do luôn có nhân viên vận hành trực cột bơm, nếu xảy ra tràn vãi sẽ lập tức dừng bơm. Số lượng xăng, dầu tràn sẽ được thu gom bằng giấy thấm dầu, giấy này sẽ được thu gom và lưu chứa trong các bình chứa 30l lưu trữ chất thải nguy hại tại Cửa hàng.

Tuy nhiên lượng xăng dầu tràn vãi sẽ không thể thu gom được hết có thể thấm xuống sân của cửa hàng. Vì vậy, hàng ngày Cửa hàng phải tưới sân để rửa trôi xăng dầu tràn vãi ra môi trường. Bên cạnh đó, khi gặp điều kiện thời tiết như mưa, bão cũng có thể làm lượng

xăng, dầu tràn vãi này trôi đi cùng với nước mưa. Do đó, để không làm ảnh hưởng đến môi trường, Cửa hàng đã xây dựng hệ thống xử lý nước nhiễm dầu thông qua hố gạn dầu có kích thước $0,97m^3$ và hố tự hoại có kích thước là $5,8m^3$ trước khi cho thấm vào trong cát



Hình 6. Sơ đồ xử lý nước thải nhiễm dầu

Thuyết minh quy trình: Nước thải nhiễm dầu được thu gom về hố gạn dầu, trong hố chia nhiều ngăn, xăng dầu sẽ nổi lên trên và được vớt thủ công thu gom vào thùng chứa, các thùng chứa này sẽ được xử lý như chất thải nguy hại, nước sau khi được xử lý qua hố gạn dầu sẽ được chuyển đến hố tự hoại và được xử lý như nước thải sinh hoạt, sau đó được cho thấm vào đất. Chất lượng nước sau khi xử lý đảm bảo đạt cột B, QCVN 29:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Đánh giá tác động của các nguồn phát thải bụi, khí thải

Các nguồn phát sinh bụi và khí thải của Cửa hàng chủ yếu từ các nguồn sau đây:

- Từ các phương tiện giao thông như xe máy, ô tô của khách hàng đến đổ xăng, dầu.

Đặc điểm kinh doanh của Cửa hàng là kinh doanh xăng dầu, vì vậy nguồn phát sinh ô nhiễm từ các phương tiện giao thông của khách hàng như ô tô, xe máy ra vào Cửa hàng là không thể tránh khỏi.

- Hoạt động của máy phát điện dự phòng.

Cửa hàng đã trang bị 01 máy phát điện đốt chạy xăng để sử dụng phòng trường hợp mất điện lưới để phục vụ cho nhu cầu sử dụng. Tuy nhiên, số lần sử dụng máy phát điện và lượng xăng tiêu thụ cho máy phát là rất ít do mạng lưới điện tại khu vực khá ổn định, ước tính trung bình lượng xăng tiêu thụ cho máy phát khoảng 15 lít/tháng.

- Hoạt động từ quá trình nhập, xuất xăng dầu của Cửa hàng.

Trong quá trình nhập xăng vào bể chứa, xăng dầu chảy vào bể chiếm dần không gian trong bể và làm tăng áp suất bên trong bể dẫn đến vượt quá không chế của van thở, nên van thở được mở dẫn đến không khí bên trong bồn chứa thoát ra bên ngoài môi trường. Hiện tượng này được gọi theo chuyên môn là “thở lớn”. Thở lớn có thể xảy ra vài lần trong quá trình nhập hàng.

Bên cạnh đó, xăng dầu còn phát sinh hơi do sự chênh lệch nhiệt độ giữa bên trong bể chứa và nhiệt độ không khí từ môi trường bên ngoài. Trong quá trình tồn chứa, do bề mặt khoảng không gian trong bể rất lớn, xăng dầu là chất dễ bay hơi, vì vậy khoảng không gian trong bể luôn đạt đến mức nồng độ bão hòa của hơi xăng dầu trong không khí. Khi áp suất khoảng không vượt quá giới hạn cho phép của van thở, van sẽ mở ra để một lượng hơi xăng thoát ra môi trường bên ngoài. Hiện tượng này được gọi theo chuyên môn là “thở nhỏ”. Thở nhỏ có thể xảy ra một vài lần trong ngày nắng.

Ngoài ra, hơi xăng dầu còn phát sinh do quá trình rò rỉ xăng dầu từ van, từ đường ống nhập vào bể chứa, và từ quá trình bán lẻ xăng dầu cho khách hàng.

2.2. Tác động của các nguồn phát sinh bụi khí thải

• Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông

Các phương tiện giao thông đã thải ra môi trường bên ngoài nhiều loại khí độc hại như khí CO, khí CO₂, khí NO₂, và những loại khói đen... Khí thải từ các phương tiện giao thông này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của người xung quanh, có thể gây ra các triệu chứng như nhức đầu, buồn nôn, rối loạn thị giác, mệt mỏi... (mức độ nhẹ). Bên cạnh đó còn có các triệu chứng khác như thiếu oxy trong máu và mô, rối loạn hô hấp, rối loạn hệ thần kinh, rối loạn hệ tim mạch và có thể dẫn đến tổn thương hay liệt hô hấp...(mức độ nặng).

• Bụi, khí thải của máy phát điện

Máy phát điện vận hành sẽ đưa vào không khí các loại khí có chứa chất gây ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO và VOC gây ô nhiễm cho môi trường không khí. Để đánh giá tác động của khí thải máy phát điện đến môi trường.

• Khí thải từ quá trình nhập, xuất xăng dầu

Hơi xăng dầu có chứa các chất hydrocacbon như metan, etan, propan, giới hạn nhiễm độc của các chất khí như sau: metan là 60 – 95%, propan là 10%, butan là 30%, sulfua là 10ppm.

Nếu tiếp xúc với hơi xăng, dầu có nồng độ từ 45% trở lên sẽ dẫn đến ngạt thở do thiếu oxy. Khi hít phải hơi xăng, dầu có thể dẫn đến các triệu chứng như say, co giật, ngạt và viêm phổi...

Khi hít phải hơi xăng, dầu ở nồng độ trên 40.000 mg/m³ có thể bị tai biến cấp tính với các triệu chứng như tức ngực, chóng mặt, rối loạn giác quan, tâm thần, nhức đầu buồn nôn.

Khi hít phải hơi xăng, dầu có nồng độ trên 60.000mg/m³ sẽ xuất hiện các cơn co giật,

rối loạn tim và hô hấp, thậm chí có thể gây tử vong. Ngoài ra, một số người nhạy cảm với xăng, dầu có thể bị tác động trực tiếp thông qua da.

2.3. Biện pháp giảm thiểu

Để giảm thiểu bụi và khí thải phát tán trong quá trình hoạt động của Cửa hàng, chủ cửa hàng đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông
 - Cửa hàng đã nhắc nhở khách hàng tắt máy khi đang bơm xăng dầu cho phương tiện di chuyển của mình.
 - Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng các thiết bị, máy móc bên tại Cửa hàng.
 - Thường xuyên tưới nước cho khu vực sân bãi vào những ngày nắng gắt để giảm việc bụi phát tán vào môi trường.
 - Xây dựng hàng rào xung quanh cửa hàng cao 2,2m bao quanh.
- Bụi, khí thải của máy phát điện
 - Bố trí khu vực riêng để đặt máy phát điện dự phòng.
 - Sử dụng máy phát điện của các hãng có uy tín, có hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn về môi trường.
 - Nhiên liệu sử dụng cho máy phát điện dự phòng phải đạt các tiêu chuẩn chất lượng của Việt Nam quy định.
 - Sử dụng máy phát với chế độ vận hành an toàn, trong công suất cho phép.
 - Định kỳ bảo dưỡng, bảo trì máy phát điện để đảm bảo hiệu suất cao.
- Khí thải từ quá trình nhập, xuất xăng dầu
 - Kết nối và kiểm tra đường ống dẫn kín trước khi bơm, chiết xăng dầu và dùng giẻ lau khô ngay các điểm bị rò rỉ.
 - Bồn chứa xăng dầu được thiết kế đảm bảo đúng các thông số kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, có nắp đậy kín và có van an toàn.
 - Xung quanh cửa hàng có tường rào cao 2,2m, khuôn viên xung quanh được trồng cây xanh bao quanh.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải sinh hoạt

Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhân viên làm việc tại Cửa hàng khoảng 4kg/ngày được thu gom vào cuối ngày. Cửa hàng cũng đã bố trí 01 thùng rác loại 120 lít tại các khu vực xung quanh cửa hàng như khu văn phòng, khu vực bơm xăng, gần khu vực ra vào. Ngoài ra, Công ty đã hợp đồng với Dowasen – Chi nhánh dịch vụ môi trường đến thu gom và chất thải sinh hoạt.

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Đối với chất công nghiệp thông thường của Cửa hàng phát sinh không nhiều, chủ yếu đến từ các thùng carton, thùng giấy (ước tính khoảng 4kg/ngày). Cửa hàng đã bố trí 02 thùng chứa có thể tích 30 lít nằm phía Đông của Cửa hàng. Bên cạnh đó, Cửa hàng cũng đã hợp đồng với đơn vị bán phế liệu để định kỳ chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường đến đơn vị thu mua phế liệu.

4. Chất thải nguy hại

Nguồn phát sinh: Chất thải nguy hại của Cửa hàng phát sinh không nhiều, chủ yếu đến từ quá trình vận hành, kiểm tra, thay mới máy móc, thiết bị.

Thành phần tính chất: Trong quá trình hoạt động của Cửa hàng có thể phát sinh một số loại chất thải nguy hại như sau:

- Dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị của Cửa hàng.
- Bóng đèn quỳnh quang thải.
- Nước thải từ quá trình súc, rửa bể chứa xăng dầu khi có sửa chữa lớn. Đây là 1 loại chất thải nguy hại dạng lỏng. Việc vệ sinh bồn, bể thường thực hiện với tần suất 2 năm/1 lần, ước lượng nước thải phát sinh khoảng 0,3m³/ 1 lần.

Công trình, biện pháp: Cửa hàng đã bố trí một khu vực lưu trữ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Cửa hàng theo nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.



Hình 7. Quy trình thu gom, lưu chứa CTNH của Cửa hàng

Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 02 thùng thể tích 30 lít có nắp đậy.

- Bao bì ghi rõ loại chất thải nguy hại được lưu chứa
- Bố trí một vị trí tại phía Đông của Cửa hàng, thoáng mát, sạch sẽ để lưu trữ CTNH, treo biển cảnh báo chất thải nguy hại đúng quy định.

Phương án thu gom, xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định pháp luật.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

5.1. Đánh giá tác động của tiếng ồn, độ rung

- **Đối với tiếng ồn:** Phát sinh từ các nguồn sau. Các nguồn phát sinh tiếng ồn của Cửa hàng chủ yếu là nguồn gián đoạn, không liên tục.

STT	Loại máy móc/ phương tiện	Mức cường độ âm (dBA)
1	Xe có tải trọng lớn đang chạy	80 – 88
2	Xe máy	75 - 85

Bảng 7. Mức ồn của các nguồn trong quá trình hoạt động của Cửa hàng

Đối với nhân viên làm việc tại Cửa hàng: Nhân viên tại cửa hàng phải chịu mức ồn trực tiếp là 88dBA. Vì ta xét môi trường làm việc của nhân viên, nên sẽ đối chiếu với tiêu chuẩn cho phép của tiếng ồn trong môi trường làm việc được quy định trong QCVN 24:2016/BYT, có giá trị là 85 dBA (tiếp xúc liên tục trong 8 giờ). Như vậy cường độ ồn tạo ra vượt 1,03 dBA, mức vượt không quá cao và không thường xuyên (chỉ khi có xe tải trọng lớn đi vào cửa hàng). Do đó, nhân viên hoạt động tại Cửa hàng không chịu tác động tiêu cực đáng kể bởi nguồn ồn.

Đối với nhà xung quanh: Do Cửa hàng không nằm gần nhà dân. Do đó, nguồn ồn không ảnh hưởng đến dân cư xung quanh.

- **Đối với độ rung:** Độ rung luôn đi kèm với tiếng ồn, độ rung càng cao cao sẽ gây ra tiếng ồn cao. Khi các thiết bị, máy móc hoạt động sẽ phát sinh rung động do ma sát, va chạm giữa các bộ phận cơ học của máy, từ đó truyền xuống nền đất và lan truyền trong kết cấu đất nền ảnh hưởng đến kết cấu của các công trình xây dựng xung quanh. Dựa trên vị trí của dự án tiếp giáp xung quanh Cửa hàng là tỉnh lộ ĐT850, mương kinh rãnh và ao ruộng, do đó tiếng ồn không ảnh hưởng đến dân cư xung quanh của Cửa hàng.

5.2. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

❖ **Đối với tiếng ồn từ phương tiện giao thông:**

- Yêu cầu xe ra vào Cửa hàng đi với tốc độ chậm (5km/h), không bóp còi.
- Không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận hàng.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

❖ ***Đối với tiếng ồn, rung từ hoạt động của máy móc:***

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị. Thông thường chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4 – 6 tháng.

- Lập kế hoạch vận hành máy móc hợp lý, tránh các thời gian nghỉ ngơi của nhân viên và hạn chế hoạt động ban đêm.

- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho nhân viên như khẩu trang, găng tay, nút chống ồn...

- Đối với máy phát điện, để máy phát điện trên bệ đệm và bố trí tại nơi kín đáo để hạn chế tiếng ồn của máy phát ra.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Nhằm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động, chủ cửa hàng đã thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động như sau:

6.1. Phòng cháy chữa cháy, chống sét đánh thẳng

➤ ***Phòng cháy chữa cháy:***

❖ **Nguyên nhân:**

+ Do vận chuyển các chất dễ cháy như sơn, dung môi qua những nơi có nguồn phát sinh nhiệt hay gần các tia lửa điện.

+ Sự cố về thiết bị điện: Chập mạch, quá tải, ngắn mạch, thiết bị điện bị quá tải... dẫn đến hiện tượng phát sinh nhiệt dẫn đến cháy nổ.

+ Lưu chứa nhiên liệu không đúng cách và sự bất cẩn của nhân viên.

+ Sự cố sét đánh có thể gây cháy nổ.

❖ **Tác động:**

+ Các vụ cháy, nổ đều gây ô nhiễm môi trường cấp cục bộ hoặc lâu dài. Ở mức độ nghiêm trọng hơn có thể trở thành sự cố môi trường hoặc thảm họa môi trường.

+ Khi xảy ra cháy, nổ trong thành phần của khói sinh ra nhiều chất độc hại tác động đến môi trường như khí độc (CO, H₂S, SO₂, NO₂,...), bụi khói (PM₁₀, PM_{2,5}, muội than, tàn tro bay,...) phát tán vào không khí. Bên cạnh đó, các chất độc hại này có thể tạo ra dòng chảy hoặc cuốn theo, hòa tan theo lượng lớn nước chữa cháy gây ô nhiễm dòng chảy.

+ Mặt khác, khi xảy ra sự cố, rủi ro, cháy nổ, sét đánh sẽ gây ô nhiễm và tác động đến hệ sinh thái và ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe con người.

❖ **Biện pháp giảm thiểu:**

Trong công tác phòng chống cháy nổ, Cửa hàng áp dụng các biện pháp sau:

- + Tuân thủ nghiêm ngặt quy định phòng cháy, chữa cháy trong khu vực. Xây dựng quy định PCCC để nhân viên cửa hàng áp dụng và thực hiện khi sự cố xảy ra.
- + Trang bị các phương tiện chữa cháy và đảm bảo các phương tiện hoạt động bình thường tại nơi làm việc, khu vực bồn chứa và khu vực trạm bơm.
- + Lắp đặt các bảng cảnh báo cháy nổ tại các khu vực dễ cháy nổ của Cửa hàng.
- + Thường xuyên trao đổi kiến thức về phòng cháy chữa cháy cho nhân viên làm việc tại Cửa hàng.
- + Báo động khi có cháy xảy ra, di tản công nhân và thiết bị tại nơi xảy ra cháy.
- + Tổ chức thực tập PCCC theo sự hướng dẫn của cảnh sát PCCC địa phương. Trong điều kiện sự cố vượt tầm kiểm soát và khả năng ứng phó của đơn vị, chủ cửa hàng thông báo ngay cho cơ quan cảnh sát PCCC của địa phương để xin được hỗ trợ kịp thời.
- + Cửa hàng đã trang bị các loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy cụ thể như sau:

STT	Máy móc – thiết bị	Quy cách	Số lượng
1	Bình bột chữa cháy MZF8	Bình	08
2	Bình bột khô, 35kg	Bình	01
3	Nội quy, tiêu lệnh PCCC	Cái	03
4	Biển cảnh báo cấm lửa, cấm hút thuốc	Cái	03

Bảng 8. Danh mục thiết bị PCCC của Cửa hàng

➤ **Chống sét đánh thẳng**

- Khu vực Cửa hàng đã lắp đặt 01 hệ thống chống sét. Theo tài liệu thiết kế, kim thu sét có bán kính bảo vệ $R_p=26m$, chiều cao kim là 3m. Tổng điện trở $<10\Omega$.
- Đồng thời, Cửa hàng cũng bố trí cọc tiếp địa $\varnothing 25-3m$ dẫn nối đất chống tĩnh điện khu vực bồn chứa, trạm bơm,...

6.2. An toàn lao động và vệ sinh lao động

❖ Nguyên nhân:

- + Các phương tiện giao thông trong dự án không được sắp xếp gọn gàng, trật tự;
- + Quy định lối vào, ra tại khu vực bơm xăng dầu.
- + Không thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn về an toàn lao động, không sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động khi cần thiết;
- + Những tai nạn do mất tập trung lúc làm việc.

❖ Tác động:

Lượng phương tiện ra vào cửa hàng thường xuyên, đặc biệt là vào giờ cao điểm, dễ xảy ra sự cố, tai nạn. Đặc biệt, sự cố tai nạn liên quan đến các xe chở xăng, dầu tiếp nhiên liệu cho cửa hàng. Khi đó lượng xăng, dầu tràn đổ, rò rỉ ra môi trường bên ngoài sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường đất, nước và không khí xung quanh của Cửa hàng.

❖ Biện pháp giảm thiểu:

- Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động như lắp đặt đèn chiếu sáng tại khu vực cửa hàng, tạo môi trường lao động thông thoáng cho nhân viên.

- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động như bao tay (len, cao su), khẩu trang, ủng hoặc giày, nón BHLĐ (nón vải, nón cứng), quần áo BHLĐ cho nhân viên làm việc tại Cửa hàng.

- Bố trí cho nhân viên được khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định pháp luật.

- Thường xuyên bồi dưỡng kiến thức về an toàn lao động, vệ sinh lao động cho nhân viên cửa hàng.

- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc và nhắc nhở nhân viên tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động và sử dụng các tranh thiết bị bảo hộ.

- Khi tai nạn lao động xảy ra, phải cách ly người bị nạn ra khỏi nguồn gây sự cố. Sơ cứu kịp thời trước khi chuyển đến cơ sở y tế gần nhất.

- Sử dụng xe công tác để vận chuyển người bị nạn đến cơ sở y tế gần nhất hoặc gọi số 115 để được hỗ trợ.

6.3. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường

❖ Nguyên nhân

- Các bồn chứa thiết kế và chế tạo không đúng các yêu cầu kỹ thuật.

- Sự biến dạng của vật liệu chế tạo, thiết bị do bị ăn mòn hoặc sức bền vật liệu giảm theo thời gian sử dụng.

- Không có chế độ bảo dưỡng thiết bị, bồn bể hợp lý.

- Vỡ, rò rỉ đường ống xăng nhập về các bồn chứa, các ống dẫn xuất bán tại các trụ bơm xăng.

❖ Tác động

- Sự cố tràn dầu (nếu xảy ra) sẽ gây ra thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế, xã hội và môi trường, dẫn tới suy giảm chất lượng môi trường đất và môi trường nước nghiêm trọng.

- Khi sự cố tràn dầu xảy ra, không chỉ làm ô nhiễm môi trường hiện tại, mà còn để lại những hậu quả nghiêm trọng và lâu dài về sau.

- Tác động đến môi trường đất:

+ Khi nhiễm dầu vào đất sẽ tác động lên cây trồng, làm cây chậm phát triển, giảm tỷ nảy mầm của cây.

+ Đất bị suy thoái, qua thời gian sẽ bị chai lỳ, mất khả năng cung cấp chất dinh dưỡng cho cây.

- Tác động đến hệ sinh thái:

+ Gây nhiễm loạn hoạt động sống trong hệ sinh thái.

+ Tràn dầu có thể ảnh hưởng trực tiếp cũng như gián tiếp đến hoạt động sản xuất nông nghiệp tại địa phương. Dầu tràn có thể xâm nhập vào đất sản xuất nông nghiệp gây nhiễm độc cho đất, làm ảnh hưởng đến năng suất cây trồng. Bên cạnh đó, các chất độc còn có thể thấm xuống hệ thống nước ngầm, ảnh hưởng lâu dài đến hoạt động sản xuất. Các thành phần trong dầu tích tụ vào trong lòng đất theo thời gian sẽ làm đất mất độ tơi xốp và phì nhiêu sẵn có.

+ Khả năng tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp giảm do lo ngại của người tiêu dùng về khả năng nhiễm độc của thực phẩm trong vùng. Điều này ảnh hưởng đến hộ nông dân sinh sống bằng nghề trồng trọt.

+ Khả năng tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp giảm do lo ngại của người tiêu dùng về khả năng nhiễm độc của thực phẩm trong vùng. Điều này ảnh hưởng đến người dân sinh sống bằng nông nghiệp.

- Tác động đến con người: Khi dầu ngấm vào nước ngầm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người dùng nước và sản phẩm bị nhiễm dầu.

❖ Biện pháp giảm thiểu

- Tuân thủ quy định quản lý, bàn giao CTNH cho đơn vị xử lý.

- Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý, sử dụng nhiên liệu, các máy móc thiết bị sử dụng nhiên liệu.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị sử dụng nhiên liệu.

- Đảm bảo không để dầu, nhớt từ nguồn gây ô nhiễm lan ra môi trường xung quanh bằng mọi biện pháp.

- Sử dụng các biện pháp ngăn chặn không cho chất ô nhiễm tràn, lan rộng thêm, nhất là không lan ra vùng có nước.

- Tuyệt đối không dùng chất hoặc các biện pháp phân tán dầu, nhớt ra môi trường xung quanh, nhất là môi trường nước.

- Sử dụng các dụng cụ thu gom váng dầu, đất đã nhiễm dầu vào dụng cụ lưu chứa và chuyển về kho chứa CTNH để bàn giao cho đơn vị dịch vụ đến tiếp nhận, xử lý.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Cửa hàng không có công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

Chương IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt với lưu lượng nước thải phát sinh tối đa là 2m³/ngày.

- Nguồn số 02: Nước mưa nhiễm xăng, dầu với lưu lượng phát sinh tối đa là 1,5m³/ngày.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

- Nguồn số 01: Lưu lượng nước thải phát sinh tối đa là 2m³/ngày.

- Nguồn số 02: Lưu lượng phát sinh tối đa là 1,5m³/ngày.

1.3. Dòng nước thải

- Dòng nước thải của Nguồn số 01 sau xử lý chất lượng nước đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A với K=1,2 trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của huyện.

- Dòng nước của Nguồn số 02 sẽ được dẫn qua hồ gạn dầu và hồ tự hoại 3 ngăn (kích thước 5,8m³), chất lượng nước đạt QCVN 29:2010/BTNMT, cột A, sau đó sẽ cho thấm vào cát.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Thông số xả thải:

+ Nguồn số 01: pH, BOD₅, Amoni, TSS, Dầu mỡ động thực vật, Coliform

+ Nguồn số 02: pH, TSS, COD, Dầu mỡ khoáng

Bảng 9. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm của nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A) với hệ số K = 1,2
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅	mg/L	30
3	Amoni- NH ₄ ⁺	mg/L	5
4	TSS	mg/L	50
5	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	10
6	Coliform	MPN/100ml	3.000

Bảng 10. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm của nước thải nhiễm dầu

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 29:2010/BTNMT (Cột A)
1	pH	-	6-9
2	TSS	mg/L	50
3	COD	mg/L	50
4	Dầu mỡ khoáng	mg/L	5

1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải

• Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận

- Nguồn xả thải: Cửa hàng xăng dầu Phước Nhân số 2.
- Nguồn tiếp nhận: hệ thống thoát nước huyện Cao Lãnh.
- Hình thức xả thải: liên tục 24/24.

• Phương thức xả nước thải

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Cửa hàng sẽ được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn ($7,2\text{m}^3$) trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải chung của huyện. Chất lượng nước thải đạt QCVN 14:2008, Cột A – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải vào hệ thống thoát nước thành phố theo phương thức tự chảy.

+ Nguồn số 02: Nước mưa nhiễm xăng dầu phát sinh từ Cửa hàng sẽ được thu gom và xử lý tại hố gạn dầu ($0,97\text{m}^3$) và hố tự hoại ($5,8\text{m}^3$), chất lượng nước sau khi xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT, Cột A – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu trước khi cho thấm vào cát.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Các nguồn phát sinh khí thải không đáng kể. Vì vậy, chủ dự án không xin cấp phép khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Các nguồn phát sinh khí thải không đáng kể. Vì vậy, chủ dự án không xin cấp phép khí thải.

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

Cơ sở chưa thực hiện quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo.

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

Căn cứ vào điểm d, khoản 1, Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP, công trình xử lý chất thải của Cửa hàng chỉ có bể tự hoại ($7,2\text{m}^3$), hố gạn dầu ($0,97\text{m}^3$), hố tự hoại ($5,8\text{m}^3$) để chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là đối tượng thuộc công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm. Vì vậy, Cửa hàng sẽ không thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

• Giám sát chất lượng nước thải

- + Số lượng: 01 mẫu nước nhiễm dầu, 01 mẫu nước thải sinh hoạt
- + Vị trí lấy mẫu: sau bể gạn dầu (nước thải nhiễm dầu), sau bể tự hoại $7,2\text{m}^3$ (nước thải sinh hoạt)
- + Thông số giám sát: pH, TSS, DO, COD, Dầu mỡ khoáng (nước thải nhiễm dầu); pH, BOD₅, Amoni, TSS, Dầu mỡ động thực vật, Coliform (nước thải sinh hoạt)
- + Tần suất giám sát 06 tháng/ lần
- + Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K= 1,2 (đối với nước thải sinh hoạt); QCVN 29:2010/BTNMT, cột A (đối với nước nhiễm dầu).

• Giám sát chất lượng khí thải

- + Số lượng: 01 mẫu khí thải
- + Vị trí lấy mẫu: Tại khu vực bán hàng.
- + Tần suất giám sát: 06 tháng/lần
- + Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT.

• Thực hiện báo cáo Công tác bảo vệ môi trường theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

- + Tần suất: 01/lần.
- + Mẫu báo cáo: thực hiện theo mẫu Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.
- + Nơi nhận: Báo cáo kết quả quan trắc môi trường gửi về Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cao Lãnh và lưu tại Cửa hàng.
- + Thời gian nộp báo cáo: trước ngày 10 tháng 1 của năm tiếp theo.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí quan trắc môi trường hằng năm của Cửa hàng dự kiến khoảng 30.000.000 đồng.

Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong thời gian 2 năm gần nhất, cơ quan có thẩm quyền không kiểm tra, thanh tra đối với Cửa hàng xăng dầu Phước Nhân số 2 .

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chúng tôi cam kết về việc thực hiện các biện pháp, công trình giảm thiểu tác động xấu đến môi trường như trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã nêu, cụ thể như sau:

Dự án sẽ thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm tra, giám sát định kỳ theo đúng Luật Bảo vệ môi trường thông qua ngày 17/11/2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Cam kết về việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Cam kết sẽ thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Cửa hàng.

Thực hiện tốt công tác giám sát môi trường (số lượng và tần suất giám sát). Đồng thời, Cửa hàng cũng cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam.

Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu để xảy ra các vấn đề môi trường do hoạt động của Cửa hàng gây ra.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Phụ lục 01: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Phụ lục 02: Bản vẽ mặt bằng tổng thể dự án.
- Phụ lục 03: Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.
- Phụ lục 04: Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG THÁP
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 1402077519

Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 09 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 09 tháng 08 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XĂNG DẦU PHƯỚC NHÂN
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUOC NHAN PETROLEUM COMPANY
LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHUOC NHAN PETRO CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Số 1990, Nguyễn Thái Học, Phường Hoà Thuận, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng
Tháp, Việt Nam*

Điện thoại: 0838 111 789

Fax:

Email: phong.le96@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 15.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: LÊ HOÀNG PHONG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 05/05/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 087078018461

Ngày cấp: 09/11/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tổ 46, khóm 3, Phường 2, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp,
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 46, khóm 3, Phường 2, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp,
Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÊ HOÀNG PHONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Sinh ngày: 05/05/1978 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 087078018461

Ngày cấp: 09/11/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tổ 46, khóm 3, Phường 2, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 46, khóm 3, Phường 2, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

W. TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Ngô Chanh Chanh

Số: 173 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày 18 / 7 / 2018 của: Công ty TNHH xăng dầu Phước Nhân

Người đại diện là Ông/Bà: Lê Hoàng Phong..... Chức danh: Chủ đầu tư.....

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CHỨNG NHẬN:

Công trình: Cửa hàng xăng dầu Phước Nhân

Địa điểm xây dựng: xã Tân Hội Trung, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH xăng dầu Phước Nhân.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH XD&PC Đại Thắng.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Hạng mục: Xây dựng mới.

Khoảng cách an toàn PCCC, bậc chịu lửa, công nghệ, điện, chống sét, chống tĩnh điện, phương tiện chữa cháy.

Trong quá trình thi công có thay đổi gì khác so với thiết kế đã được thẩm duyệt phải báo cho Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Đồng Tháp biết và đồng ý mới được thay đổi. Báo cho Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Đồng Tháp nghiệm thu từng hạng mục và tổng nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng.

Chứng thực bản sao
theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.
đúng với bản chính

Số chứng thực: 13978..... Quyền số: 5..... SCT/BS

Nơi nhận: Cục Cảnh sát PCCC&CNCH ngày 17 tháng 8 năm 2018

(06 bản)

- Lưu: PC66



Thái Văn Lành



Đại tá Trần Công Minh

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

[illegible]

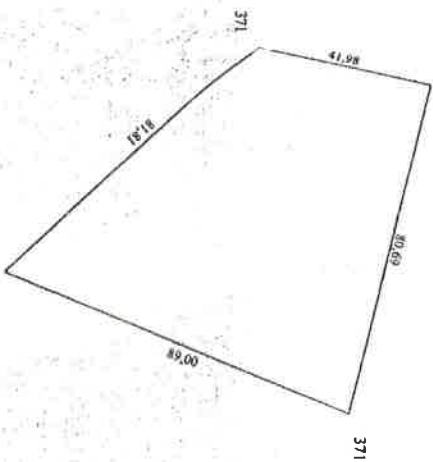
II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

III. Số ô thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:
 - a) Thửa đất số: 370. từ bản đồ số: 11,
 - b) Diện tích và Tồn tích: huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp,
 - c) Diện tích: 4984,0 m², bằng chữ: Bốn nghìn chín trăm tám mươi bốn mét vuông,
 - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
 - e) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp,
 - f) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 31/12/2067,
 - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng được: Thủ tục giao đất có thu tiền sử dụng đất.
2. Nhà ở: -/-
3. Công trình xây dựng khác: -/-
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
5. Cây lâu năm: -/-
6. Gai cột: Không.

CHỨNG THỰC BẢN SẴO ĐUNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 494/2. Quyển số: 04. SCT/BS
Ngày: 05 tháng 06 năm 2018.

CHỦ TỊCH
Lê Phú Toàn



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Nhật Pháp

Số vào sổ cấp GCN: CT06744

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



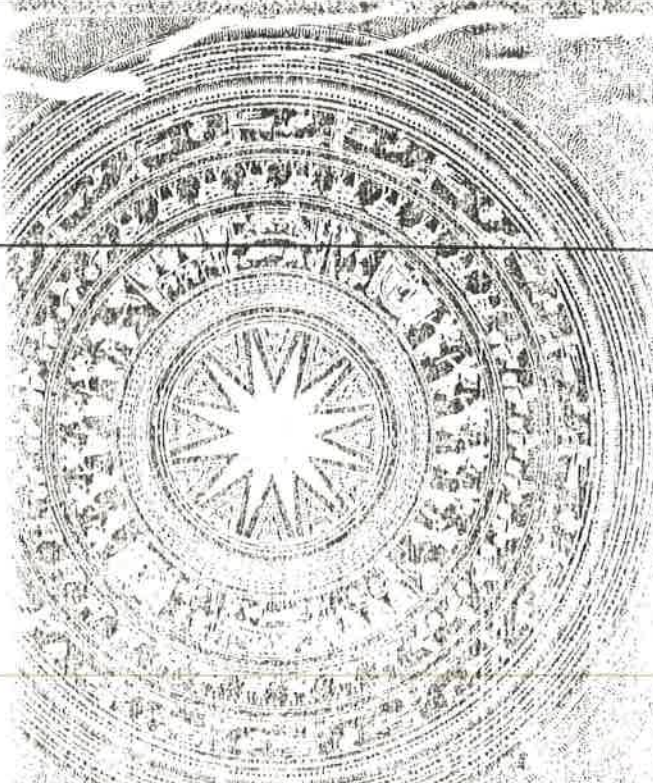
GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN Ở NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XĂNG DẦU PHƯỚC NHÀN
Số 1402077519 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 19/9/2017
Địa chỉ: 190 Nguyễn Thái Học, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

CM 737714

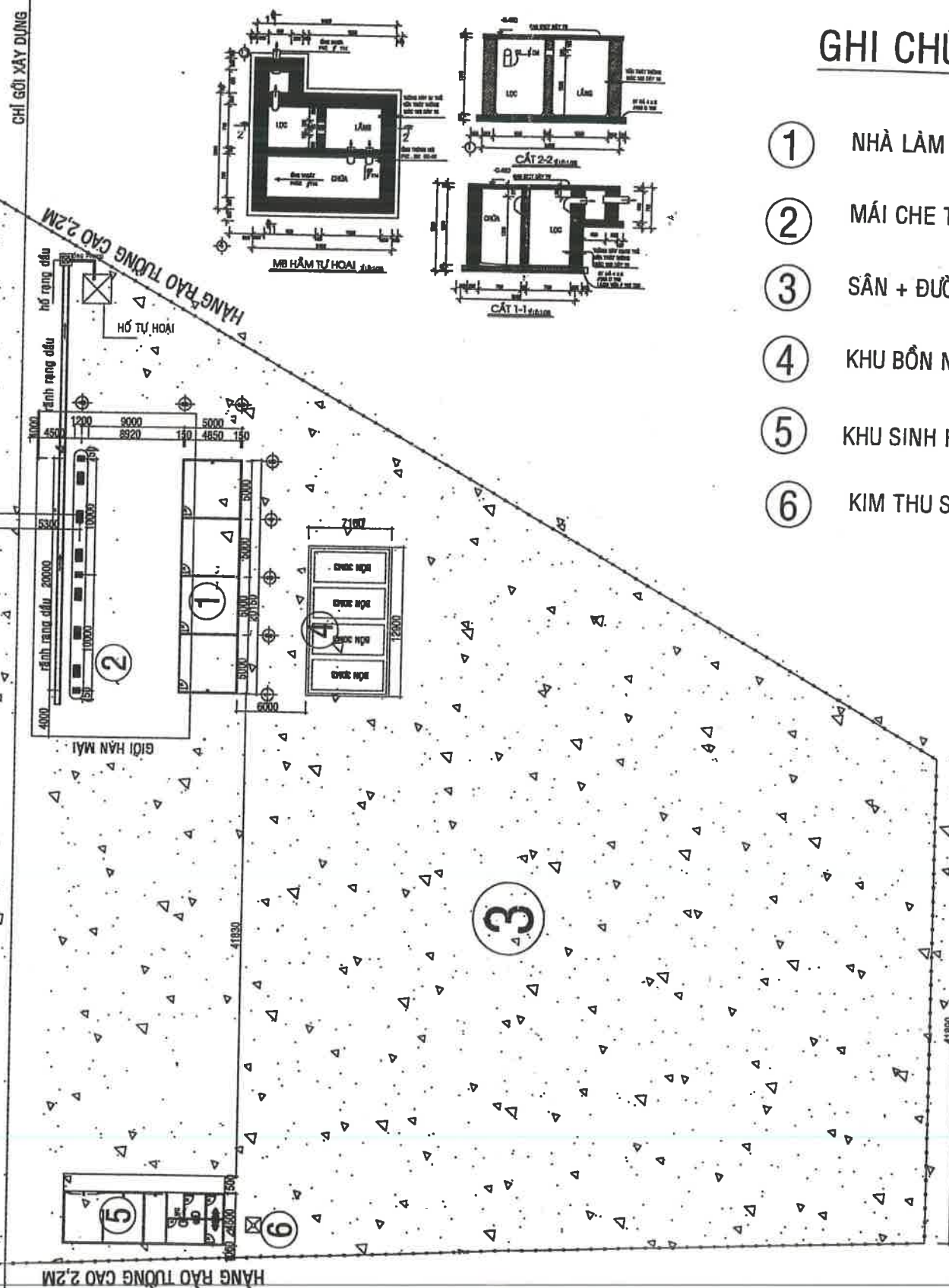
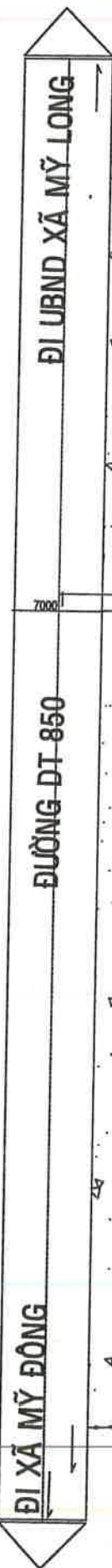
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
	

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

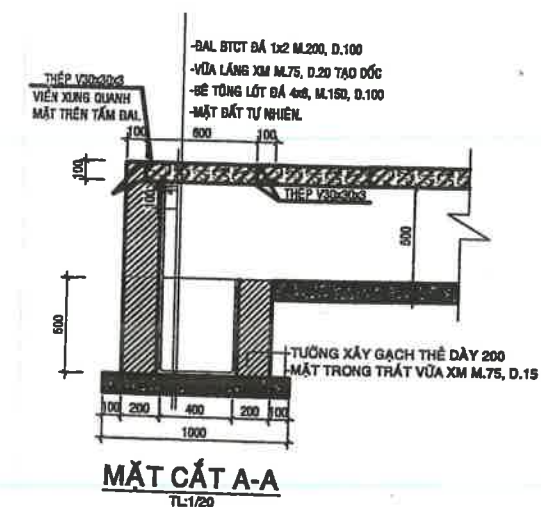
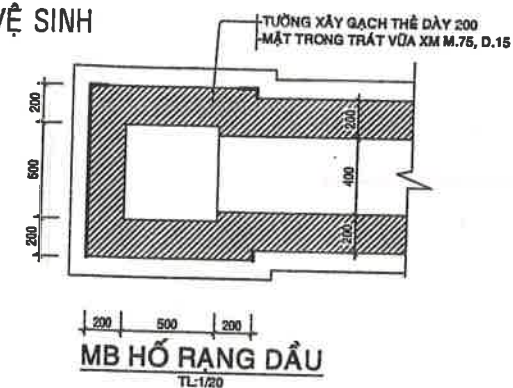
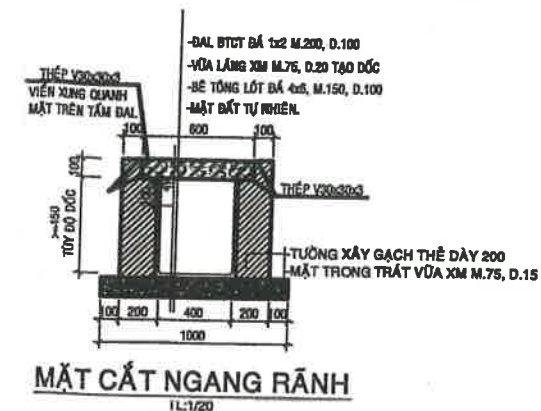


8 7 3 0 1 0 3 1 2 0 6 6 7 4 4





- ① NHÀ LÀM VIỆC
- ② MÁI CHE TRỤ BƠM
- ③ SÂN + ĐƯỜNG
- ④ KHU BỒN NHIÊN LIỆU
- ⑤ KHU SINH HOẠT + KHU VỆ SINH
- ⑥ KIM THU SÉT



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & PHÒNG CHÁY ĐẠI THẮNG		CÔNG TRÌNH : CỬA HÀNG XĂNG DẦU PHƯỚC NHÂN HẠNG MỤC : XÂY DỰNG MỚI ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ TÂN HỘI TRUNG, HUYỆN CAO LÃNH		TK - KT
		MẬT BẰNG TỔNG CÔNG TY TK - KT		BẢN VẼ 01 01
GIÁM ĐỐC - CHỦ TRÌ		THIẾT KẾ - VẼ	KỂM TRA	CHỦ ĐẦU TƯ
KS. ĐẶNG VĂN NGỌAN		KS. NGUYỄN THÀNH THÁI	KS. TRẦN BÌNH PHÚC	LE HOÀNG PHONG